

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2020

Về việc “Tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tân Nừa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C, hôn nhân giữa bà và ông M là tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không hợp nhau, sống với nhau không cảm thấy hạnh phúc, gia

đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn M có 02 người con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/11/2001 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 24/8/2007. Đối với Nguyễn Văn Q đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, còn Nguyễn Văn T1 sau khi ly hôn con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 24/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn M địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng ông M vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông M.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà T và ông M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà T xác định phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tình tình không hợp nhau, sống với nhau không cảm thấy hạnh phúc. Tại các biên bản từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án ông Nguyễn Văn M không đồng ý ly hôn với bà T. Tuy nhiên, ông M không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án đối với yêu cầu của bà T. Đồng thời, tại biên bản xác minh chính quyền địa phương cho biết trong quá trình chung sống giữa ông M với bà T cũng xảy ra mâu thuẫn do ông

M nhậ về đánh đập bà T vào cuối năm 2019 và bà Trình có yêu cầu địa phương giải quyết ông M hứa thay đổi nhưng sau đó vẫn tiếp tục vi phạm. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của bà T là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Cho bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M (bà T và ông M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2016 ngày 06/6/2016).

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn M 02 người con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/11/2001 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 24/8/2007. Đối với Nguyễn Văn Q đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu. Còn Nguyễn Văn T1 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Ông Nguyễn Văn M không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T. Đồng thời, tại đơn nguyện vọng ngày 26/5/2020 người con chung của bà T và ông M có nguyện vọng được ở với bà T. Do đó, tiếp tục giao người con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 24/8/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30 tháng 12 năm 2019, bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Cho bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M (bà T và ông M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2016 ngày 06/6/2016).

Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 24/8/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn M không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở ông M thực hiện quyền này nhưng ông M không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà T.

Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30 tháng 12 năm 2019, bà Nga đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiền;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi